

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HN - ST
Ngày: 29/5/2019
V/v tranh chấp “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Trước
2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST - HN ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “ ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST - HN ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Chị Lê Thị Kim H trình bày:

Chị và anh Võ Văn T tiến đến hôn nhân năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H vào năm 2011. Sau khi cưới, chị và anh T về sống chung nhà cha mẹ ruột anh T tại xã T, huyện L. Vợ chồng sống chung đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không phụ giúp chị chăm lo cho con cái, mỗi khi anh T đi nhậu về là vợ chồng cãi nhau, đôi

lúc anh T còn đánh đập, chửi mắng chị nhưng chị cố gắng chịu đựng vì thương con, chị đã nhiều lần khuyên nhủ mong anh T thay đổi nhưng anh T không thay đổi. Nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh T nên chị đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2012 đến nay. Từ lúc sống ly thân, chị và anh T không còn tới lui, quan tâm nhau; tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn anh Võ Văn T.

- Về con chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Võ Văn T có 02 con chung tên Võ Ngọc Minh C sinh ngày 31/10/1999, đã trưởng thành; Võ Thiện Ân sinh ngày 02/10/2009, chị H yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Kim H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trình tự thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp ly hôn, tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim H và anh Võ Văn T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, anh T không tham gia hòa giải, không có thiện chí đoàn tụ, do đó:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Kim H ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Chị Lê Thị Kim H yêu cầu nuôi dưỡng Võ Thiện Â, sinh ngày 02/10/2009 và cháu Â cũng có nguyện vọng sống chung với chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Võ Thiện Â cho chị Lê Thị Kim H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung và những khoản nợ phải thu, phải trả chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp giữa các đương sự là “ ly hôn ”, bị đơn hiện cư trú tại xã T, huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Văn T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cấp ngày 05/8/2011 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim H và anh Võ Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Chị H và anh T đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị H và anh T không hạnh phúc, chị H và anh T đã không còn sống chung từ năm 2012 đến nay, hai bên không còn quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn. Lời khai của chị H hoàn toàn phù hợp với nội dung tại biên bản xác minh của Tòa án tại xã T ngày 22/4/2019. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Kim H ly hôn với anh Võ Văn T.

[4] Về con chung: Chị H yêu cầu nuôi dưỡng Võ Thiện Â và cháu Â cũng có nguyện vọng sống chung với chị H nên Hội đồng xét xử giao cháu Võ Thiện Â cho chị Lê Thị Kim H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Kim H ly hôn anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thiện Â, sinh ngày 02/10/2009 cho chị Lê Thị Kim H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002112 ngày 12/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bé Tư